

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 339/2024/DS-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2024
Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994

Địa chỉ cư trú: Số A, đường N, ấp Đ, xã T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường N, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh

Cà Mau

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Bé P1, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số D, Nguyễn Văn B, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh

Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Vũ P trình bày: Ngày 13/11/2023, bà T có cho bà Huỳnh Bé P1 vay số tiền 200.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, chuyển qua số tài khoản của bà T là 107867333449 tại Ngân hàng TMCP C, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Quá trình vay bà P1 chưa trả vốn, đã trả được 32.000.000 đồng tiền lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 13/11/2023 đến ngày 13/3/2024 là 04 tháng x 1.66%/tháng bằng số tiền 13.280.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 213.280.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa bị đơn bà **Huỳnh Bé P1** trình bày: Ngày 13/11/2023, bà có vay của bà **T** số tiền 200.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, chuyển qua số tài khoản của bà **T** là 107867333449 tại **Ngân hàng TMCP C**, lãi suất hai bên thỏa thuận là 7%/tháng tức là mỗi tháng bà phải đóng 14.000.000 đồng. Quá trình vay ngày 14/12/2023 và ngày 15/12/2023 bà đã chuyển trả cho bà **T** 14.000.000 đồng tiền lãi. Do lãi suất quá cao bà không còn khả năng thanh toán nên bà có xin bà **T** chỉ trả vốn không trả lãi nữa, bà **T** cũng đồng ý. Bà đã chuyển trả bà **T** tổng cộng 32.000.000 đồng tiền vốn vào các ngày 15/01/2024, 15/02/2024, 14/3/2024, 15/4/2024, 14/5/2024, 14/6/2024, 15/7/2024. Nay bà chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn là 167.000.000 đồng và yêu cầu điều chỉnh lại phần lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bà **Huỳnh Bé P1** trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền 168.000.000 đồng và điều chỉnh lại phần lãi suất theo quy định là 1.66%/tháng. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện do quá trình vay bà **P1** đã trả lãi tổng cộng 32.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 200.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/8/2024 là 10 tháng 07 ngày x 1.66%/tháng x 200.000.000 đồng bằng số tiền 33.974.662 đồng. Đồi trừ số tiền lãi bà **P1** đã trả là 32.000.000 đồng, còn lại số tiền 201.974.662 đồng bà **P1** phải thanh toán cho nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đang cư trú tại **thành phố C, tỉnh Cà Mau** nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 13/11/2023 bằng hình thức chuyển khoản, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Quá trình vay bị đơn chưa thanh toán vốn, đã trả lãi được 32.000.000 đồng nên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn là 200.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/9/2024 là 10 tháng 07 ngày với mức lãi suất 1.66%/tháng x 200.000.000 đồng bằng số tiền 33.974.662 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 201.974.662 đồng.

Bị đơn xác định ngày 13/11/2023 có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên lãi suất thỏa thuận đến 7%/tháng. Quá trình vay bị đơn đã thanh toán được số tiền vốn là 32.000.000 đồng, lãi suất đóng được một tháng bằng

14.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn còn lại là 167.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu điều chỉnh lại phần lãi suất do vượt quá quy định của pháp luật. Từ đó, các đương sự phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán được khoản vốn lãi nào nên yêu cầu bị đơn thanh toán tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/11/2023 đến ngày 13/3/2024 tổng cộng là 213.280.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định tính đến ngày 15/7/2024 bị đơn đã thanh toán được 32.000.000 đồng tiền lãi suất nên nay chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn và lãi tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/9/2024 tổng cộng là 10 tháng 07 ngày bằng số tiền 201.974.662 đồng. Nhận thấy, việc thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Ngày 13/11/2023, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của bà Nguyễn Ngọc T số 107867333449 tại Ngân hàng TMCP C, nội dung này đã được hai bên thừa nhận. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng quá trình vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận miệng, bị đơn thanh toán được 32.000.000 đồng tiền lãi vào các ngày 14/01/2024, 14/02/2024, 14/3/2024, 14/4/2024, 14/5/2024, 14/6/2024, mỗi lần chuyển 5.000.000 đồng, riêng ngày 15/7/2024 chuyển 2.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền bà P1 để chuyển trả tiền vốn tuy nhiên việc này chưa được sự đồng ý của bà T nên đây là số tiền chuyển trả lãi, do bà P1 không đủ tiền trả nên số tiền mỗi lần chuyển không đủ tiền lãi mỗi tháng theo thỏa thuận là 3%/tháng.

Bị đơn xác định số tiền 32.000.000 đồng là tiền vốn do nội dung chuyển tiền bị đơn có ghi rõ chuyển trả vốn và được sự đồng ý của bà T thể hiện qua đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị đơn và nguyên đơn.

Qua lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời trình bày của đại diện nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định không có việc trao đổi giữa bà T và bà P1 theo như nội dung đoạn ghi âm mà bị đơn đã cung cấp. Đồng thời, tại nội dung các lần chuyển tiền là do bà P1 tự ghi nội dung là chuyển trả vốn, chưa được sự đồng ý của bà T. Đồng thời, qua các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn nộp chưa đủ căn cứ để xác định bà T đồng ý cho bà P1 trả vốn, không tính lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn đối với số tiền 32.000.000 đồng là số tiền lãi mà bị đơn thanh toán cho nguyên đơn.

[4.2] Đối với số tiền 14.000.000 đồng mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn, nhận thấy: Tuy đại diện nguyên đơn xác định bà T không nhớ việc bà P1 có chuyển trả số tiền 14.000.000 đồng tiền lãi nhưng qua tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp thể hiện ngày 14/12/2023 bà P1 có chuyển cho bà T số tiền 10.000.000 đồng, ngày 14/12/2023 bà P1 chuyển tiếp số tiền 4.000.000 đồng. Bị đơn xác định đây là số tiền lãi của tháng 12/2023, do bị đơn không đủ tiền thanh toán nên trả vào

hai ngày đủ số tiền lãi theo thỏa thuận 7%/tháng tương đương với số tiền 14.000.000 đồng. Nhận thấy, bị đơn trình bày là có cơ sở bởi lẽ tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn không nhớ bị đơn có chuyển số tiền 14.000.000 đồng tiền lãi nhưng nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán được khoản vốn nào. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền 14.000.000 đồng là tiền lãi của tháng đầu tiên sau khi hai bên có thỏa thuận vay số tiền 200.000.000 đồng.

[4.3] Từ các căn cứ trên cho thấy bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 32.000.000 đồng + 14.000.000 đồng = 46.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất do nguyên đơn cho bị đơn vay với lãi suất cao so với quy định của pháp luật. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận là cao so với quy định nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể: từ ngày 13/12/2023 đến ngày 20/9/2024 bằng 10 tháng 07 ngày x 200.000.000 đồng x 1.666%/tháng = 34.097.467 đồng.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 46.000.000 đồng, đối trừ 46.000.000 đồng – 34.097.467 đồng = 11.902.533 đồng.

[4.4] Từ các căn cứ trên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng - 11.902.533 đồng = 188.097.467 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền chênh lệch là 201.974.662 đồng - 188.097.467 đồng = 11.902.533 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền chưa trả. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Ngọc T**
Buộc bị đơn bà **Huỳnh Bé P1** thanh toán số tiền tổng cộng là 188.097.467 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng*)

Kể từ ngày bà **Nguyễn Ngọc T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà **Huỳnh Bé P1** không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Ngọc T** về việc yêu cầu bà **Huỳnh Bé P1** thanh toán số tiền lãi tổng cộng là 11.902.533 đồng (*mười một triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Huỳnh Bé P1 phải chịu số tiền 9.404.873 đồng (chưa nộp).

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 595.127 đồng. Ngày 14/6/2024 bà Nguyễn Ngọc T đã dự nộp số tiền 5.332.000 đồng theo biên lai số 0008843 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ bà T được nhận lại số tiền 4.736.873 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út

